

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TIẾN SĨ**

**CHUYÊN NGÀNH
KINH TẾ CÔNG NGHIỆP
MÃ SỐ: 62.31.09.01**

**Đã được Hội đồng Xây dựng Chương trình đào tạo bậc Tiến sĩ thông qua
ngày tháng năm**

HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang	
PHẦN I	TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1	Mục tiêu đào tạo	4
1.1	Mục tiêu chung	4
1.2	Mục tiêu cụ thể	4
2	Thời gian đào tạo	5
3	Khối lượng kiến thức	5
4	Đối tượng tuyển sinh	5
5	Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt	6
6	Thang điểm	6
7	Nội dung chương trình	7
7.1	Cấu trúc	7
7.2	Học phần bổ sung, chuyển đổi	7
7.2.1	Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi	7
7.2.2	Mô tả tóm tắt học phần bổ sung, chuyển đổi	8
7.2.3	Thời hạn hoàn thành các học phần bổ sung, chuyển đổi	8
7.3	Học phần trình độ Tiến sĩ	8
7.3.1	Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ	8
7.3.2	Mô tả tóm tắt học phần trình độ Tiến sĩ	9
7.3.3	Kế hoạch học tập các học phần trình độ Tiến sĩ	12
7.4	Chuyên đề Tiến sĩ	12
8	Danh sách Tạp chí / Hội nghị Khoa học	14
PHẦN II	ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	17
9	Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo	18
9.1	Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi	18
9.2	Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ	18
10	Đề cương chi tiết các học phần trình độ Tiến sĩ	18

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế công nghiệp
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành đào tạo: Kinh tế công nghiệp (Industrial Economics)
Mã chuyên ngành: 62 31 09 01

(Ban hành theo Quyết định số / QĐ-ĐHBK-SĐH ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường ĐH Bách Khoa Hà Nội)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế công nghiệp nhằm đào tạo các cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu ở trình độ cao các lĩnh vực thuộc về kinh tế ứng dụng và quản trị kinh doanh, có tư duy khoa học, có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề khoa học chuyên ngành và liên ngành, đồng thời có khả năng tham gia đào tạo bậc đại học và sau đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi đã hoàn thành chương trình đào tạo, tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế công nghiệp:

- Có khả năng phát hiện những vấn đề nghiên cứu mới xuất phát từ thực tiễn và lý luận trong lĩnh vực kinh tế ứng dụng và quản trị kinh doanh trong các ngành kinh tế của quốc gia và thế giới.
- Có kỹ năng thực hiện các nghiên cứu một cách độc lập trong lĩnh vực kinh tế ứng dụng và quản trị kinh doanh dưới dạng các đề tài nghiên cứu, bài báo và tham luận khoa học.
- Có năng lực đề xuất các giải pháp trong lĩnh vực kinh tế ứng dụng và quản trị kinh doanh.
- Có khả năng lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế ứng dụng và quản trị kinh doanh.

- Có kiến thức và kỹ năng để giảng dạy và biên soạn giáo trình cho bậc đại học và sau đại học trong lĩnh vực kinh tế ứng dụng và quản trị kinh doanh.

2. Thời gian đào tạo

Vận dụng Khoản 4 Điều 81, *Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học* do Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội ban hành theo quyết định số 1492/QĐ-ĐHKBK-SĐH ngày 30/9/2009, thời gian đào tạo tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế công nghiệp sẽ là:

3 năm tập trung liên tục đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 4 năm tập trung liên tục đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học.

Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được và được trường, khoa chấp nhận thì nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học tập và nghiên cứu tập trung là 3 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 4 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học. Trong đó, có ít nhất một giai đoạn 12 tháng tập trung liên tục tại bộ môn đào tạo, thực hiện trong phạm vi 3 năm đầu kể từ ngày ký quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. Khối lượng kiến thức

Khối lượng kiến thức bao gồm khối lượng của các học phần trình độ tiến sĩ và khối lượng của các học phần bổ sung, học phần chuyển đổi được xác định cụ thể cho từng loại đối tượng tại mục 4.

- NCS đã có bằng thạc sĩ: 9 tín chỉ + khối lượng bổ sung, chuyển đổi (nếu có).
- NCS mới có bằng đại học: 9 tín chỉ + các tín chỉ thuộc Chương trình Thạc sĩ Khoa học, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh (không yêu cầu làm luận văn).

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là những người tốt nghiệp đại học hoặc cao học với ngành phù hợp. Ngành phù hợp ở đây là các chuyên ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh

Người có bằng Thạc sĩ Khoa học về kinh tế và quản trị kinh doanh (định hướng nghiên cứu) có thời gian tốt nghiệp (tính tới thời điểm ra quyết định công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh) chưa quá 7 năm. *Đây là đối tượng không phải tham gia học bổ sung/chuyển đổi*, gọi tắt là đối tượng **A1**.

Người có bằng Thạc sĩ Khoa học (định hướng nghiên cứu) ngành kinh tế và quản trị kinh doanh có thời gian tốt nghiệp (tính tới thời điểm ra quyết định công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh) đã quá 7 năm. *Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung*, gọi tắt là đối tượng **A2**.

Người có bằng Thạc sĩ Ứng dụng về kinh tế và quản trị kinh doanh (định hướng ứng dụng). *Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung*, gọi tắt là đối tượng **A3**.

Người có bằng đại học về kinh tế và quản trị kinh doanh. *Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung*, gọi tắt là đối tượng **A4**.

Người có bằng Thạc sĩ ngành kinh tế và quản trị kinh doanh không thuộc các nhóm đối tượng nêu trên, gọi tắt là đối tượng A5.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt

- Quy trình đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tuân thủ Quy định 1492/2009 về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học của ĐH Bách Khoa Hà Nội.
- Các học phần bổ sung, học phần chuyển đổi phải đạt mức điểm C trở lên (xem mục 6).
- Các học phần trình độ Tiến sĩ phải đạt mức điểm B trở lên (xem mục 6).

6. Thang điểm

Khoản 6a Điều 62 của Quy định 1492/2009 quy định:

- Việc chấm điểm kiểm tra - đánh giá học phần (bao gồm các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần) được thực hiện theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy. Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc (tổng của tất cả các điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần).
- Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ với mức như sau:

Điểm số từ	8,5 – 10	chuyển thành	điểm A (Giỏi)
Điểm số từ	7,0 – 8,4	chuyển thành	điểm B (Khá)
Điểm số từ	5,5 – 6,9	chuyển thành	điểm C (Trung bình)
Điểm số từ	4,0 – 5,4	chuyển thành	điểm D (Trung bình yếu)
Điểm số dưới	4,0	chuyển thành	điểm F (Kém)

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ gồm có 3 phần như bảng sau đây.

Phần	Nội dung đào tạo		A1	A2	A3	A4	A5
1	HP bổ sung		0	10TC	4TC	42TC ⁵⁾	NHD ¹⁾
	HP chuyển đổi		0	0	0	0	0
2 ²⁾	HP trình độ TS	Bắt buộc	6TC (2HP)				
		Tự chọn	3TC (1HP) ³⁾				
	CĐTS	Bắt buộc	2TC				
		Tự chọn	4TC ³⁾				
	TLTQ ⁴⁾						
3 ²⁾	NC khoa học ⁴⁾						
	Luận án ⁴⁾						

Ghi chú:

- 1) NHD: viết tắt của „người hướng dẫn“
- 2) Giống nhau cho mọi loại đối tượng
- 3) Đây là phần dành cho NCS tự chọn
- 4) Đây là các nội dung gắn với đề tài NCKH và các trình bày của luận án nên sẽ có quy định riêng và không được đề cập đến trong phần chương trình đào tạo mang tính giảng dạy này
- 5) Ngoài 28 tín chỉ của chương trình đào tạo bậc Cao học, đối tượng A4 tốt nghiệp hệ ĐH 4-4,5 năm còn phải học các học phần bổ sung của chương trình đào tạo bậc Cao học theo quy định

7.2. Học phần bổ sung

7.2.1. Danh mục học phần bổ sung

ĐỐI TƯỢNG	HỌC PHẦN	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
A2	Bổ sung	EM6050	Quản trị marketing II	3	3(3-0-0-6)
		EM6060	Quản trị nguồn nhân lực	2	2(2-0-0-4)
		EM6110	Tài chính doanh nghiệp II	3	3(3-0-0-6)
		EM6100	Quản trị chiến lược nâng cao	3	3(3-0-0-6)
A3	Bổ sung	EM6200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2(2-0-0-4)
		EM6220	Mô hình ra quyết định	2	2(2-0-0-4)
A4	Bổ sung	Toàn bộ 42 TC thuộc chương trình Thạc sĩ Khoa học (không yêu cầu luận văn tốt nghiệp)			
A5	Bổ sung	Người hướng dẫn căn cứ trên bảng điểm tốt nghiệp Cao học của NCS để đề xuất những học phần cần học bổ sung, lấy từ chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Khối lượng tối thiểu: 6 tín chỉ			

7.2.2. Mô tả tóm tắt học phần bổ sung

Các học phần bổ sung được mô tả trong quyển “Chương trình đào tạo Thạc sĩ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh” của trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kinh tế và Quản lý chính thức thông qua ngày .../.../2010 và đã được Hiệu trưởng ban hành theo quyết định số ngày / / 2009.

7.2.3. Thời hạn hoàn thành các học phần bổ sung, chuyển đổi

Các đối tượng **A2, A3, A5** phải hoàn thành các học phần bổ sung trong thời hạn 2 năm kể từ ngày có quyết định công nhận là NCS.

Đối tượng **A4** phải hoàn thành các học phần bổ sung trong thời hạn 2½ năm kể từ ngày có quyết định công nhận là NCS.

7.3. Các học phần trình độ Tiến sĩ

7.3.1. Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
Bắt buộc	EM7010	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	TS. Nguyễn Mai Anh/PGS. Nguyễn Văn Thanh	3	3(3-0-0-6)
	EM7020	Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh	TS. Lê Hiếu Học/PGS. Trần Văn Bình	3	3(2-2-0-6)
Tự chọn	EM7111	Lý thuyết Marketing	TS. Ngô Trần Ánh	3	3(3-0-0-6)
	EM7121	Quản trị đổi mới	TS. Đặng Vũ Tùng/TS. Nguyễn Ngọc Điện	3	3(3-0-0-6)
	EM7131	Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững	TS. Phạm Thị Thu Hà/TS. Bùi Xuân Hồi	3	3(3-0-0-6)
	EM7141	Những công cụ thành công trong Quản trị tác nghiệp	TS. Nguyễn Văn Nghiên/TS. Trần Bích Ngọc	3	3(3-0-0-6)
	EM7151	Lý thuyết quản trị nguồn nhân lực	GS. Đỗ Văn Phúc/TS. Nguyễn Danh Nguyên	3	3(3-0-0-6)
	EM7161	Quản trị dịch vụ	PGS.TS. Nguyễn Văn Thanh/	3	3(3-0-0-6)
	EM7171	Lý thuyết đương đại trong tài chính	TS. Nghiêm Sỹ Thương/TS. Trần Việt Hà	3	3(3-0-0-6)

7.3.2. Mô tả tóm tắt học phần trình độ Tiến sĩ

EM7010 Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức lý thuyết về quá trình nghiên cứu trong khoa học kinh tế, các loại hình và phương pháp nghiên cứu, phương pháp xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu, lấy mẫu, đo lường và thang đo nghiên cứu, thiết kế bản câu hỏi, các phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

EM7010 Research Methods in Economics and Business Studies

The tools of research methodology will be discussed in this course and linked with problems in economics and business studies. The philosophical bases for conceiving and designing research, choice points in research design (eg, experimental vs. non-experimental methods, field vs. laboratory studies), and attendant issues of reliability, validity, and statistical analysis is covered. The course concludes with a hands-on examination of social research tools such as the questionnaire, interviews, and observation techniques.

EM7020 Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh

Học phần nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh, dựa trên các phần mềm chuyên dùng cho nghiên cứu là SPSS (phiên bản 18.0 gọi là PASW) và AMOS. Học phần bao gồm: lý thuyết và thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; ứng dụng SPSS trong phân tích thống kê mô tả, kiểm định các giả thuyết thống kê, kiểm định thang đo, phân tích tương quan và hồi quy, phân tích nhân tố, phân tích đa biến; lý thuyết về mô hình phương trình cấu trúc (SEM – Structural Equation Model); ứng dụng AMOS trong việc xác định mô hình phương trình cấu trúc; và đánh giá tính phù hợp của mô hình phương trình cấu trúc.

EM 7020 Data Analysis in Economic and Business Studies

This course aims at providing knowledge and skills in analyzing data in economics and business studies. The main contents of this course consist of the theory of business statistics and the application of SPSS and AMOS in descriptive analysis of data, hypothetical and measurement tests, correlation and regression analysis, factor analysis, multi-variable analysis and research model examination.

EM7111 Lý thuyết marketing

Học phần nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh các vấn đề lý thuyết mới trong lĩnh vực khoa học marketing mà đang được các nhà khoa học quốc tế và trong nước quan tâm. Học phần sẽ đề cập tới các lý thuyết về marketing quan hệ, chất lượng cảm nhận, sự thoả mãn, sự trung thành của khách hàng, giá trị thương hiệu, tài sản thương hiệu, hình ảnh thương hiệu, phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu, phát triển sản phẩm mới, phát triển dịch vụ mới, quản trị bao bì, quản trị các kênh phân phối hiện đại và truyền thông marketing trong thời đại kỹ thuật số.

EM7111 Theories of Marketing

The course aims at providing doctoral students with new theoretical issues in marketing science that interest international and national marketing scientists. The course will cover theories of relationship marketing, perceived quality, customer satisfaction, customer loyalty, brand value, brand equity, brand image, market segmentation, target market selection, brand positioning, new product development, new service development, packaging management, modern distribution channel management, and marketing communications in the digital age.

EM7121 Quản trị đổi mới

Học phần nhằm trang bị cách tiếp cận từ góc độ kỹ thuật và quản trị để nâng cao hiệu quả của quá trình đổi mới hệ thống trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: sáng tạo các ý tưởng mới có khả năng thương mại hóa trong các doanh nghiệp; các thách thức trong việc xây dựng và duy trì hoạt động của tổ chức thông qua đổi mới và sáng tạo; các vấn đề trong phân bổ nguồn lực ở các công ty đổi mới; và chiến lược của các ngành dựa trên sản phẩm cải tiến nhanh chóng.

EM7121 Innovation Management

This course aims to provide a technical and management approach to increase the effectiveness and efficiency of the system innovation process in businesses. It includes: the generation of commercializable new ideas in companies; the challenges to building and maintaining an organization based on creativity and innovation; issues in making resource allocation decisions in innovative companies; and strategies in industries based on fast-changing creative and innovative products.

EM7131 Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các kinh tế năng lượng, phát triển hệ thống năng lượng từ quan điểm phát triển bền vững. Nội dung của môn học tập trung làm rõ quan điểm phát triển bền vững với việc cân bằng và làm hài hoà đồng thời ba nội dung của sự phát triển bao gồm: phát triển kinh tế - khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường. Từ đó, các vấn đề về phát triển hệ thống năng lượng sẽ được xem xét thông qua cách tiếp cận “phát triển bền vững”.

EM7131 Issues of Energy and Sustainable Development

This course is to provide the specialized knowledge of theoretical and empirical issues about energy economics and energy system development from the viewpoint of sustainable development. The content this course focuses on the development sustainable concept with the balance and harmony while the trio factors of development: Economic Development; Natural resources exploitation and utilization; Global Climate change and Environmental protection. So, the energy system development will be studied by this new approach of sustainable development.

EM7141 Những công cụ thành công trong quản trị sản xuất và tác nghiệp

Môn học giúp các nhà nghiên cứu chuyên sâu về Quản trị sản xuất hệ thống hoá những tiến bộ trong lịch sử phát triển lĩnh vực Quản trị sản xuất thông qua những mô hình tổ chức sản xuất tiên tiến đã được áp dụng trong các giai đoạn khác nhau của lịch sử: Chuyên môn hoá sản xuất, Bài toán tối ưu năng lực sản xuất, Quy mô sản xuất tối ưu, Thiết kế có trợ giúp của máy tính (CAD), Sản xuất tích hợp với máy tính và hệ thống sản xuất linh hoạt (CIM, FMS), Sản xuất đúng thời điểm (JIT), và những mô hình mới đây như MRP, SMED, Lean, ERP... Thường xuyên cập nhật những thông tin về những tiến bộ trong lĩnh vực này.

EM7141 Successful Models in Operation Management

This course aims to provide indeep research of operation management system from historical to modernized viewpoints. It covers all the operation managements models such as: production line system, optimization system, CAD, CIM, FMS, JIT and current issues of MRP, SMED, Lean, ERP,...This course also provides contemporary researches in operation management.

EM7151 Lý thuyết Quản trị nguồn nhân lực

Học phần nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh các nghiên cứu hiện nay trên thế giới về vấn đề quản lý con người trong các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần sẽ đề cập tới các lý thuyết liên quan đến hoạt động của tổ chức, tâm lý nhân viên, hành vi của các thành viên trong tổ chức, tính kinh tế trong việc sử dụng lao động, mối quan hệ giữa con người trong tổ chức. Các nội dung nghiên cứu sẽ phân tích các vấn đề dưới góc độ cá nhân một con người và dưới góc độ tổ chức là một tổng thể của nhiều cá nhân.

EM7151 Theories of Human Management

This course will focus on contemporary research on employment issues as it relates to theories in organizational studies, sociology, and labor economics. The course analyzes these issues from both the individual and firm level of analysis..

EM7161 Quản trị dịch vụ

Mục tiêu của học phần là giúp NCS có kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học về quản trị dịch vụ trong nền kinh tế thị trường hiện đại theo xu thế hội nhập quốc tế và kinh tế toàn cầu. Các nội dung chính của học phần bao gồm: nghiên cứu về quản trị hiệu quả các doanh nghiệp dịch vụ hoặc có yếu tố dịch vụ cấu thành sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp; nghiên cứu sự ảnh hưởng của dịch vụ đến năng lực cạnh tranh trong kinh doanh và hiệu quả kinh doanh theo hướng phát triển bền vững. NCS được yêu cầu phải tổng quan các lý thuyết khoa học về quản trị dịch vụ của những doanh nghiệp tiên tiến cả trong và ngoài nước; phân tích, đánh giá và phản biện khoa học về thực trạng kinh doanh của các doanh nghiệp dịch vụ Việt Nam; đề xuất các phương hướng và giải pháp mới trong quản trị dịch vụ nhằm đạt hiệu quả kinh doanh và tăng cường khả năng hội nhập và cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu.

EM7161 Service Management

The course objective is to help doctoral students have scientific knowledge and skills on services management in a modern market economy in the trend of international integration and economic globalization. The main contents include: studies on effective management of service businesses or of the business that have a service element in their products; the influences of services on business competitiveness and efficiency in the sustainable development orientation. Students are required to review scientific theories on service management in advanced enterprises in the domestic and international markets; scientific analyses, assessments and reviews on the current business situation of Vietnamese service enterprises; suggest general ways and new solutions in service management in order to achieve expected business efficiency, to enhance integration capability and competitiveness in the global economy.

EM7171 Lý thuyết đương đại trong tài chính

Nội dung của học phần đề cập các vấn đề đương đại của quản lý tài chính bao gồm: (1) Các chính sách của chính phủ liên quan đến quản lý tài chính, (2) Một số vấn đề tài chính quốc tế, (3) Các đòn bẩy và ứng dụng trong quản lý tài chính, (4) Cơ cấu vốn và chính sách tài trợ, (5) Phân tích tài chính, (6) Lập ngân sách vốn, và (7) Hoạch định tài chính. NCS sẽ có cơ hội nghiên cứu các chủ đề và khuynh hướng mới trong quản lý tài chính hiện đại và trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu và khuôn khổ nghiên cứu cho mình trong lĩnh vực quản lý tài chính.

EM7171 Modern theories in finance

The course is intended to deal with contemporary issues in financial management including: (1) Government policies concerning financial management, (2) Issues in international finance, (3) Leverages and the uses in financial management, (4) Capital structure and financing policies, (5) Financial analysis, (6) Capital budgeting, and (7) Financial planning. Doctoral candidates will be offered the opportunities to study new issues and trends in today financial management, and on the basis of their findings to develop his or her own research objectives and framework in the field of financial management.

7.3.3. Kế hoạch học tập các học phần trình độ Tiến sĩ

Các học phần trình độ Tiến sĩ được thực hiện linh hoạt, tùy theo các điều kiện thời gian cụ thể của giảng viên. Tuy nhiên, nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần trình độ Tiến sĩ trong vòng 24 tháng kể từ ngày chính thức nhập trường.

7.4. Chuyên đề Tiến sĩ

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ theo các nguyên tắc sau:

01 chuyên đề theo hướng chuyên sâu bắt buộc, 2 chuyên đề còn lại có thể tùy chọn từ danh sách hướng chuyên sâu tự chọn. Mỗi hướng chuyên sâu đều có người hướng dẫn do Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành của Khoa Kinh tế và Quản lý phê duyệt.

Người hướng dẫn khoa học luận án của nghiên cứu sinh sẽ đề xuất đề tài cụ thể theo hướng bắt buộc và hướng đã chọn. Ưu tiên đề xuất đề tài gắn liền thiết thực với đề tài của luận án Tiến sĩ.

Sau khi đã có đề tài cụ thể, NCS thực hiện đề tài đó dưới sự hướng dẫn khoa học của người hướng dẫn chuyên đề.

Danh mục hướng chuyên sâu cho Chuyên đề Tiến sĩ

NỘI DUNG	MÃ SỐ	HƯỚNG CHUYÊN SÂU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN	TÍN CHỈ
Bắt buộc	EM7900	Tổng quan về kinh tế công nghiệp đương đại	1. GS. Đỗ Văn Phúc 2. PGS. Trần Văn Bình 3. TS. Nguyễn Văn Nghiên	2
Tự chọn	EM7911	Quản trị Marketing và thương mại điện tử	1. TS. Ngô Trần Ánh 2. TS. Nguyễn Thị Mai Anh 3. TS. Phạm Thị Thanh Hồng	2
	EM7921	Quản trị chất lượng	1. TS. Lê Hiếu Học 2. TS. Bùi Xuân Hồi	2
	EM7931	Quản lý năng lượng	1. TS. Phạm Thị Thu Hà 2. TS. Bùi Xuân Hồi 3. TS. Phạm Cảnh Huy	2
	EM7941	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	1. TS. Nguyễn Văn Nghiên 2. TS. Trần Bích Ngọc 3. TS. Nguyễn Danh Nguyên 4. TS. Cao Tô Linh	2
	EM7951	Hành vi tổ chức	1. GS. Đỗ Văn Phúc 2. TS. Nguyễn Danh Nguyên	2
	EM7961	Quản trị dịch vụ	1. PGS. Nguyễn Văn Thanh 2. TS. Nguyễn Thị Mai Anh	2
	EM7971	Quản trị Tài chính	1. TS. Nghiêm Sỹ Thương 2. TS. Trần Việt Hà 3. TS. Nguyễn Tiên Phong 4. TS. Đỗ Thanh Bình	2
	EM7981	Quản trị Công nghệ	1. TS. Đặng Vũ Tùng 2. TS. Nguyễn Ngọc Điện 3. TS. Trần Văn Bình	2
	EM7991	Quản trị chiến lược	1. TS. Nguyễn Văn Nghiên 2. TS. Nguyễn Ngọc Điện 3. TS. Phạm Thị Kim Ngọc	2

8. Danh sách Tạp chí / Hội nghị khoa học

Nghiên cứu sinh có thể công bố các kết quả nghiên cứu phục vụ cho luận án tiến sĩ trên các tạp chí khoa học hoặc hội nghị khoa học về kinh tế và quản trị kinh doanh. Các bài báo của nghiên cứu sinh phải có tên và nội dung gắn với tên đề tài của luận án tiến sĩ.

Danh sách các tạp chí và hội nghị khoa học được chấp nhận là danh sách các tạp chí và hội nghị khoa học về kinh tế và quản trị kinh doanh mà được Hội đồng Giáo sư Nhà nước phê duyệt và áp dụng cho thời điểm mà NCS đăng công trình. Cho đến Tháng 5/2010, thì đó là danh sách 47 tạp chí và hội nghị khoa học mà được ban hành kèm theo Quyết định **207/QĐ-HĐCDGSNN**, ngày 19/8/2009, của Hội đồng Giáo sư Nhà nước, áp dụng cho lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Bảng dưới đây thể hiện danh sách đó.

Số TT	TÊN TẠP CHÍ	CƠ QUAN XUẤT BẢN	Định kỳ xuất bản
1	Các tạp chí khoa học nước ngoài cấp quốc gia và quốc tế viết bằng một trong các thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Tây Ban Nha.		Hàng tháng hoặc hàng quý
2	Các tạp chí khoa học về chủ đề kinh tế, quản lý và kinh doanh của các trường đại học nước ngoài khác		Hàng tháng hoặc hàng quý
3	Nghiên cứu Kinh tế	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
4	Kinh tế và phát triển	ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội	Hàng tháng
5	Phát triển kinh tế	ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Hàng tháng
6	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế thế giới)	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
7	Khoa học Thương mại	ĐH Thương mại	Hàng tháng
8	Kinh tế đối ngoại	ĐH Ngoại thương	Hàng tháng
9	Nghiên cứu Tài chính - Kế toán	Học viện Tài chính	Hàng tháng
10	Công nghệ Ngân hàng (chỉ tính đối với các bài Nghiên cứu khoa học)	ĐH Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Hàng tháng
11	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học Quốc gia và Quốc tế có		Hàng tháng

	chủ đề về kinh tế-quản lý và kinh doanh được đăng toàn văn trong kỷ yếu.		
12	Quản lý Nhà nước	Học viện Hành chính Quốc gia	Hàng tháng
13	Khoa học và Đào tạo ngân hàng	Học viện Ngân hàng	Hàng tháng
14	Kế toán	Hội Kế toán Việt Nam	Hàng tháng
15	Cộng sản	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	Hàng tháng
16	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học kinh tế, quản lý và kinh doanh của các trường ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, ĐH Thái Nguyên, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế và các trường ĐH khác (nếu có)		
17	Kinh tế - Dự báo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng tháng
18	Ngân hàng (tên cũ: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Thông tin Khoa học Ngân hàng)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hàng tháng
19	Economic Development	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
20	Nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
21	Kiểm toán	Kiểm toán Nhà nước	Hàng tháng
22	Thương mại	Bộ Công thương	Hàng tháng
23	Tài chính	Bộ Tài chính	Hàng tháng
24	Công nghiệp	Bộ Công nghiệp	Hàng tháng
25	Thị trường Tài chính tiền tệ	Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam	Hàng tháng
26	Thuế Nhà nước	Tổng cục Thuế	Hàng tháng
27	Vietnam Banking Review	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hàng tháng
28	Vietnam Economic Review	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
29	Thống kê (con số và sự kiện)	Tổng cục Thống kê	Hàng tháng
30	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tên cũ: Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp; Khoa học Nông nghiệp và công nghệ thực phẩm;	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng tháng

	Nông lâm; Thủy lợi; Kinh tế Nông nghiệp)		
31	Du lịch Việt Nam	Tổng cục Du lịch	Hàng tháng
32	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Hàng tháng
33	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính	Hàng tháng
34	Lao động xã hội	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Hàng tháng
35	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
36	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản; Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á)	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
37	Châu Mỹ ngày nay	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
38	Giáo dục lý luận	Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Đà Nẵng	Hàng tháng
39	Lý luận Chính trị	Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	Hàng tháng
40	Dệt may và Thời trang Việt Nam	Tổng công ty Dệt-May Việt Nam	Hàng tháng
41	Hoạt động khoa học	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hàng tháng
42	Nghiên cứu Châu Âu	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
43	Nghiên cứu Quốc tế	Học viện Quan hệ Quốc tế	Hàng tháng
44	Nghiên cứu Trung Quốc	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
45	Khoa học Chính trị (chỉ tính những bài có đủ các nội dung Nghiên cứu khoa học)	Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện TP.Hồ Chí Minh	Hàng tháng
46	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	Hàng tháng
47	Quản lý Kinh tế	Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương	Hàng tháng

PHẦN II

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

9 Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo

9.1 Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi

Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi có thể xem chi tiết mục 9 “*Danh bạ học phần chi tiết* (bao gồm tất cả các môn bắt buộc, tự chọn, bổ sung, chuyển đổi)” quyển “*Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh*”.

9.2 Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ

Số TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÊN TIẾNG ANH	KHỐI LƯỢNG	Khoa/Viện Bộ môn	Đánh giá
1	EM7010	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	Research Methods in Economics and Business Studies	3(3-0-0-6)	Bộ môn QTKD và KTH	KT0,3-T0,7
2	EM7020	Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh	Data Analysis in Economic and Business Studies	3(2-0-2-6)	Bộ môn QTKD và KTH	KT0,4-T0,6
3	EM7111	Lý thuyết Marketing	Theories of Marketing	3(3-0-0-6)	Bộ môn QTKD	KT0,3-T0,7
4	EM7121	Quản trị đổi mới	Innovation Management	3(3-0-0-6)	Bộ môn QLCN	KT0,3-T0,7
5	EM7131	Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững	Issues of Energy and Sustainable Development	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTNL	KT0,3-T0,7
6	EM7141	Những công cụ thành công trong Quản trị tác nghiệp	Successful Models in Operation Management	3(3-0-0-6)	Bộ môn QLCN	KT0,3-T0,7
7	EM7151	Lý thuyết quản trị nguồn nhân lực	Theories of Human Resources Management	3(3-0-0-6)	Bộ môn QLCN và KTH	KT0,3-T0,7
8	EM7161	Quản trị dịch vụ	Service Management	3(3-0-0-6)	Bộ môn QTKD và QLCN	KT0,4-T0,6
9	EM7171	Lý thuyết đương đại trong Tài chính	Modern theories in finance	3(3-0-0-6)	Bộ môn QLTC	KT0,3-T0,7

10 Đề cương chi tiết các học phần trình độ Tiến sĩ

(xin xem từ trang kế tiếp)

EM7010 Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh
Research Methods in Economics and Business Studies

- 1. Tên học phần:** Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh
- 2. Mã học phần:** EM7010
- 3. Tên tiếng Anh:** Research Methods in Economics and Business Studies
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
 - Thực hành trên máy:
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh Tế Công Nghiệp và Kinh tế học
- 6. Mục tiêu của học phần:** Kết thúc học phần này NCS sẽ có khả năng:
 - Hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu
 - Biết cách lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu
 - Biết cách thiết kế và triển khai một nghiên cứu
 - Biết trình phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu
- 7. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức lý thuyết về quá trình nghiên cứu trong khoa học kinh tế, các loại hình và phương pháp nghiên cứu, phương pháp xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu, lấy mẫu, đo lường và thang đo nghiên cứu, thiết kế bản câu hỏi, các phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: 100%
 - Bài tập: Bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thí nghiệm: không
- 9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)
 - Đánh giá quá trình: 30%
 - Tham gia dự giờ trên lớp học
 - Hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Tổng quan về nghiên cứu khoa học

- 1.1 Các khái niệm cơ bản
- 1.2 Phân loại nghiên cứu khoa học
- 1.3 Tiêu chí đánh giá một nghiên cứu
- 1.4 Phương pháp nghiên cứu khoa học
- 1.5 Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu
- 1.6 Kết quả của một cuộc nghiên cứu khoa học

CHƯƠNG 2: Xác định vấn đề nghiên cứu

- 2.1 Lựa chọn đề tài
- 2.2 Giới hạn đề tài
- 2.3 Soạn thảo đề cương chi tiết
- 2.4 Định hướng nghiên cứu

CHƯƠNG 3: Lập kế hoạch nghiên cứu

- 3.1 Mô hình nghiên cứu
- 3.2 Phương pháp nghiên cứu
- 3.3 Đối tượng nghiên cứu

CHƯƠNG 4: Xây dựng thang đo

- 4.1 Số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp
- 4.2 Đo lường là gì?
- 4.3 Các loại thang đo
- 4.4 Đánh giá thang đo
- 4.5 Đo lường thái độ

CHƯƠNG 5: Các phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

- 5.1 Các phương pháp chọn mẫu
- 5.2 Các phương pháp giao tiếp trong điều tra

CHƯƠNG 6: Phân tích dữ liệu

- 6.1 Phân tích định tính
- 6.2 Phân tích định lượng

CHƯƠNG 7: Trình bày kết quả nghiên cứu

- 7.1 Kết cấu một báo cáo nghiên cứu
- 7.2 Cách viết tài liệu tham khảo
- 7.3 Phổ biến kết quả nghiên cứu

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Marczyk, G., DeMatteo, D., and Festinger, D., 2005. *Essentials of Research Design and Methodology*. John Wiley & Sons.
- [2] Neil J. Salkind 2006. *Exploring Research*, Pearson Education International
- [3] Yin, R. K. (2003) *Case Study Research: Design and Methods*, 3rd Ed. (London etc.: SAGE Publications).
- [4] Cooper, D. R., and Schindler, P., 2001. *Business Research Methods*, 7th Ed. The McGraw-Hill Companies, Inc.
- [5] Nguyễn Thị Cành, Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế. TP.HCM: NXB ĐHQG TP.HCM, 2004.
- [6] Nguyễn Xuân Nghĩa, Phương pháp và Kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội. TP.HCM: NXB Trẻ, 2004.
- [7] Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Hà Nội: NXB KHKT, lần thứ 8, 2003.
- [8] Trần Anh Tuấn - Phạm Thị Lệ Hương, *Phương pháp thực hiện khảo luận*. Sài Gòn, 1975.
- [9] TS. Nhật Từ, Cẩm nang viết khảo luận, luận văn, luận án. TP.HCM: NXB Tp.HCM, 2003.
- [10] Nguyễn Tấn Phước, Phương pháp thực hiện luận văn tốt nghiệp, tiểu luận, báo cáo thực tập. Đồng Nai: NXB Đồng Nai, 1999.
- [11] Nguyễn Minh Hiệp – Lê Ngọc Oánh, Dương Thúy Hương, Tổng quan Khoa học Thông tin và Thư Viện. TP.HCM: NXB ĐHQG TP.HCM, 2001.
- [12] Các tài liệu, giáo trình môn học Lý thuyết Thống Kê.

EM7020 Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh
Data analysis in economic and business studies

- 1. Tên học phần:** Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh
- 2. Mã học phần:** EM7020
- 3. Tên tiếng Anh:** Data analysis in economic and business studies
- 4. Khối lượng:** 3(2-0-2-6)
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập:
 - Thực hành trên máy: 30 tiết
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học và Kinh tế công nghiệp
- 6. Mục tiêu của học phần:** Sau khi hoàn thành xong học phần này, NCS có thể
 - Xác định các biến phân tích thường gặp trong nghiên cứu định lượng
 - Ứng dụng thành thạo phần mềm SPSS và/hoặc AMOS trong việc phân tích dữ liệu định lượng.
 - Diễn giải và trình bày khoa học, hiệu quả kết quả phân tích dữ liệu.
- 7. Nội dung tóm tắt:** (tóm tắt nội dung chính ước chừng 3-5 dòng)
 - Giới thiệu tổng quan về phần mềm SPSS và/hoặc AMOS
 - Dữ liệu và thống kê căn bản
 - Quản lý và vận hành dữ liệu
 - Trình bày kết quả xử lý dữ liệu
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: đầy đủ (cả phần lý thuyết và trong phòng máy tính)
 - Bài tập: Bài tập nhóm và bài tập các nhân
- 9. Đánh giá kết quả:**
 - Mức độ dự giờ giảng: 10%
 - Kiểm tra giữa kỳ: 30%
 - Thi kết thúc học phần và bài tập: 60%
- 10. Nội dung chi tiết học phần:**

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Dữ liệu và Thống kê căn bản

- 1.1 Những vấn đề cơ bản về dữ liệu: Các biến, dữ liệu
- 1.2 Các kiểu dữ liệu: Định lượng, định tính, sơ cấp, thứ cấp, định danh, thứ tự, khoảng và tỉ lệ

CHƯƠNG 2: Sắp xếp dữ liệu

- 2.1 Mở một tập dữ liệu
- 2.2 Khai báo đặc tính của các biến
- 2.3 Đặt trọng số
- 2.4 Tạo một tập dữ liệu nhỏ hơn bằng việc tổng hợp biến
- 2.5 Sắp xếp
- 2.6 Giảm quy mô mẫu
- 2.7 Lọc dữ liệu
- 2.8 Thay thế các giá trị còn thiếu (missing values)

CHƯƠNG 3: Tạo các biến mới

- 3.1 Tạo biến ảo, biến nhóm, biến liên tục
- 3.2 Sử dụng các phép tính toán học để tạo các biến mới
- 3.3 Tạo tập viển nhiều câu trả lời (multiple response)
- 3.4 Nhóm các biến liên tục bằng việc phân tích cụm (Cluster analysis)

CHƯƠNG 4: Phân tích đơn biên (univariate analysis)

- 4.1 Đồ thị (Bar, Line, Area, và Pie)
- 4.3 Tần suất và phân bố
- 4.4 Các phương pháp khác
- 4.5 Kiểm chứng giả thuyết (mean is equal) – T-test

CHƯƠNG 5: So sánh các biến giống nhau

- 5.1 Đồ thị (Bar, Pie)
- 5.2 So sánh giá trị trung bình và phân bố

CHƯƠNG 6: Thống kê đa biến (Multivariate Statistics)

- 6.1 Đồ thị
- 6.2 Phân bố
- 6.3 Tương quan
- 6.4 So sánh giá trị trung bình và phân bố của 1 biến của các nhóm nhỏ: T-test, ANOVA

CHƯƠNG 7: Hồi quy tuyến tính

- 7.1 Hồi quy tuyến tính

7.2 Diễn giải kết quả phân tích hồi quy

CHƯƠNG 8: Kiểm chứng không tham số (non-parametric testing)

8.1 Binominal test

8.2 Chi-square

11. Tài liệu học tập:

Bài giảng do giảng viên biên soạn

Phần mềm SPSS 13.0

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Salkind, N.J. (2009) *Exploring Research* (7th ed.). Person Education International, New Jersey.
- [2] Gupta, V. (1999) *SPSS for Beginners*. VJBook.

EM 7111 Lý thuyết marketing
Theory of Marketing

1. Tên học phần: Lý thuyết marketing

2. Mã học phần: EM 7111

3. Tên tiếng Anh: Theory of Marketing

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập, tiểu luận: làm tại nhà

5. Đối tượng tham dự: Tất cả NCS thuộc ngành kinh tế: kinh tế học, kinh tế công nghiệp, quản trị kinh doanh, quản lý công nghiệp, tài chính- kế toán

6. Mục tiêu của học phần: Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về lý thuyết về marketing và quản trị marketing

- Nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về thị trường và môi trường kinh doanh

- Rèn luyện kỹ năng thực hành nghiên cứu marketing

7. Nội dung tóm tắt:

Học phần sẽ đề cập tới các lý thuyết về nhu cầu, mong muốn, trao đổi, marketing quan hệ, chất lượng cảm nhận, sự thoả mãn, sự trung thành của khách hàng, quản trị thương hiệu và nâng cao giá trị thương hiệu, phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, phát triển dịch vụ mới, quản trị bao bì, quản trị các kênh phân phối hiện đại và truyền thông marketing trong thời đại kỹ thuật số.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp đầy đủ theo qui định

- Nộp bài tập đúng thời gian qui định

- Tham gia tích cực các buổi thảo luận tình huống.

- Tham dự thi kết giữa kỳ và thi thúc môn học.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ dự giờ giảng, kiểm tra định kỳ: 30%

- Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING, XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC MARKETING

- 1.1 Tổng quan về marketing, quản trị marketing
- 1.2 Vai trò của marketing trong kinh doanh và trong xã hội
- 1.3 Xây dựng chiến lược marketing và kế hoạch marketing

CHƯƠNG 2: NGHIÊN CỨU MARKETING VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN MARKETING

- 2.1 Hệ thống thông tin marketing và nghiên cứu marketing
- 2.2 Dự báo thị trường trong nghiên cứu marketing

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG MARKETING, HÀNH VI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG, PHÂN KHÚC THỊ TRƯỜNG

- 3.1 Phân tích môi trường marketing
- 3.2 Phân tích hành vi của người tiêu dùng và khách hàng là các tổ chức
- 3.3 Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm

CHƯƠNG 4: CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ SẢN PHẨM

- 4.1 Các quyết định về hỗn hợp sản phẩm và dòng sản phẩm
- 4.2 Các quyết định về thương hiệu, bao bì, dịch vụ hỗ trợ
- 4.3 Phát triển sản phẩm mới
- 4.4 Chu kỳ sống của sản phẩm và quản trị marketing

CHƯƠNG 5: CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ GIÁ VÀ PHÂN PHỐI

- 5.1 Xác định giá cơ sở
- 5.2 Các chiến lược định giá
- 5.3 Thiết kế kênh và quản trị kênh phân phối

CHƯƠNG 6: CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ TRUYỀN THÔNG MARKETING

- 6.1 Các thành phần của truyền thông marketing tổng hợp
- 6.2 Thiết kế các chương trình truyền thông
- 6.3 Đánh giá hiệu quả của truyền thông marketing

CHƯƠNG 7: TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG MARKETING

- 7.1 Tổ chức bộ máy hoạt động marketing
- 7.2 Đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động marketing

11. Tài liệu học tập:

Bài giảng do giảng viên biên soạn

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Trương Đình Chiến (2007). *Quản trị marketing trong doanh nghiệp*. Hà Nội: NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
- [2] Kotler, Philip (2003), *Quản trị marketing* (bản dịch từ tiếng Anh. Người dịch: Vũ Trọng Hùng). TPHCM: NXB Thống kê.
- [3] Ánh, Ngô Trần (2011). *Bài giảng PowerPoint Quản trị marketing*. Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.
- [4] Đạo, Trần Minh (2003). *Marketing cơ bản*. NXB Thống kê, 2003.
- [5] *Marketing cơ sở lý luận và thực hành*, Pierre-Louis Dubois và Alain Jolibet, được dịch từ bản tiếng Pháp, 3 tập, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, 1991.
- [6] *Basic Marketing*, E. Jerome McCarthy và William D. Perreault, Jr., 1994.
- [7] Kotler, Philip; Keller, Kevin Lane; (2009), *Marketing Management*, Prentice-Hall, Pearson Education International

EM7121 Quản trị Đổi mới
Innovation Management

1. Tên học phần: Quản trị đổi mới

2. Mã học phần: EM7121

3. Tên tiếng Anh: Innovation Management

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. Đối tượng tham dự: NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế công nghiệp

6. Mục tiêu của học phần: Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về vai trò của đổi mới đối với các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh toàn cầu hiện nay
- Rèn luyện khả năng tư duy, phân tích và tổng hợp, khả năng liên hệ lý thuyết với thực tiễn
- Tiếp cận với những trường hợp nghiên cứu điển hình trên thế giới

7. Nội dung tóm tắt: (tóm tắt nội dung chính ước chừng 3-5 dòng)

Học phần trình bày các nội dung về đổi mới và quản trị quá trình đổi mới tại các doanh nghiệp, bao gồm: các khái niệm có liên quan; tác động của môi trường đến hoạt động đổi mới của tổ chức, cách thức, quy trình thực hiện quá trình đổi mới trong một doanh nghiệp, và một số nghiên cứu trường hợp điển hình minh họa cho các nội dung này.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: bắt buộc tham dự các giờ lý thuyết
- Bài tập: làm các bài thu hoạch dựa trên các trường hợp nghiên cứu điển hình
- Thí nghiệm:

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: dự giờ 100%
- Kiểm tra định kỳ: dựa trên các bài thu hoạch (chiếm 30%)
- Thi kết thúc học phần: bài tự luận (chiếm 70%)

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Quan điểm về đổi mới

- 1.1 Đổi mới và lợi thế cạnh tranh
- 1.2 Các hình thức đổi mới
- 1.3 Những thách thức của quá trình đổi mới
- 1.4 Các mô hình của quá trình đổi mới
- 1.5 Lộ trình đổi mới thành công

CHƯƠNG 2: Chiến lược đổi mới

- 2.1 Vai trò của chiến lược đổi mới
- 2.2 Các loại hình chiến lược đổi mới
- 2.3 Lựa chọn chiến lược đổi mới
- 2.4 Xây dựng chiến lược đổi mới
- 2.5 Chiến lược đổi mới cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ

CHƯƠNG 3: Quản trị nghiên cứu và phát triển

- 3.1 Vai trò của R&D
- 3.2 Chi cho R&D
- 3.3 Tổ chức thực hiện R&D
- 3.4 R&D quốc tế

CHƯƠNG 4: Quản trị đổi mới sản phẩm và dịch vụ

- 4.1 Khái niệm về đổi mới sản phẩm và dịch vụ
- 4.2 Tiềm năng đổi mới
- 4.3 Thành công và thất bại
- 4.4 Vai trò của thiết kế

CHƯƠNG 5: Đánh giá và cải thiện quản trị đổi mới

- 5.1 Những vấn đề then chốt
- 5.2 Đo lường hiệu quả quản trị đổi mới
- 5.3 Tiến hành đánh giá và phân loại
- 5.4 Thách thức của đổi mới trong tương lai

CHƯƠNG 6: Một số nghiên cứu trường hợp điển hình

- 6.1 Trong ngành hóa dược
- 6.2 Trong ngành điện tử và công nghệ thông tin
- 6.3 Trong ngành điện máy

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

Tidd, J., Bessant, J., and Pavitt, K. (2005), *Managing Innovation: Integrating Technological, Market and Organizational Change*, 3rd Edition. John Wiley & Sons.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Boutellier, R., Gassmann, O. and von Zedtwitz, M. (2008), *Managing Global Innovation: Uncovering the Secrets of Future Competitiveness*, 3rd edition. Springer.
- [2] Dodgson, M., Gann, D., and Salter, A. (2008), *The Management of Technological Innovation: Strategy and Practice*. Oxford University Press.
- [3] Forbes, N. and Wield, D. (2003), *From Followers to Leaders: Managing Technology and Innovation in Newly Industrializing Countries*. Taylor & Francis e-Library.
- [4] Verburg R. M., Ortt J. R. and Dicke W.M. (editors) (2006), *Managing Technology and Innovation – An Introduction*. Taylor & Francis e-Library.

EM7131 Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững
Issues of Energy and Sustainable Development

1. **Tên học phần:** Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững

2. **Mã học phần:** EM7131

3. **Tên tiếng Anh:** Issues of Energy and Sustainable Development

4. **Khối lượng:** 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. **Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành kinh tế công nghiệp

6. **Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức chuyên sâu về phát triển hệ thống năng lượng đặt trong các ràng buộc về môi trường và một cách tổng quan là trong bối cảnh phát triển bền vững.
- Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phát triển năng lượng bền vững, đánh giá chính sách năng lượng Việt Nam trên quan điểm phát triển năng lượng bền vững.
- Rèn luyện khả năng nghiên cứu chuyên sâu đối với các lĩnh vực kinh tế ứng dụng.
- Cách tiếp cận tổng hợp và tiếp cận đa mục tiêu: nghiên cứu xem xét vấn đề phát triển của một ngành đảm bảo hài hòa các mục tiêu phát triển hòa kinh tế - xã hội - công nghệ và bảo vệ môi trường.

7. Nội dung tóm tắt:

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các kinh tế năng lượng, phát triển hệ thống năng lượng từ các quan điểm ra quyết định khác nhau từ cách tiếp cận truyền thống đến tiếp cận phát triển bền vững.

Nội dung của môn học tập trung làm rõ mối quan hệ tương tác giữa năng lượng, phát triển kinh tế và vấn đề bảo vệ môi trường. Vấn đề xây dựng chính sách năng lượng theo các quan điểm khác nhau từ trường phái kinh tế không biên giới đến trường phái phát triển bền vững – Quan điểm phát triển với việc cân bằng và làm hài hòa đồng thời các mục tiêu của sự phát triển bao gồm: phát triển kinh tế - khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên – yếu tố công nghệ; biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường.

Từ đó, các vấn đề về phát triển hệ thống năng lượng sẽ được xem xét thông qua cách tiếp cận “phát triển bền vững”. Các quy hoạch và phát triển hệ thống năng lượng trên quan điểm này cần phải được nghiên cứu với các ràng buộc về kinh tế- xã hội – môi trường được xây dựng theo độ sâu của mô hình phát triển bền vững với việc đưa vào khái niệm tổng quan “carbon Value”.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: 100%

- Bài tập: thực hiện đầy đủ

- Thí nghiệm:

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%
- Kiểm tra định kỳ: 20%
- Thi kết thúc học phần và bài tập: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - NĂNG LƯỢNG – MÔI TRƯỜNG

- 1.1 Phát triển kinh tế và nhu cầu sử dụng tài nguyên năng lượng
- 1.2 Sử dụng tài nguyên năng lượng và vấn đề phát thải ô nhiễm
- 1.3 Ô nhiễm môi trường và lý thuyết kinh tế môi trường: thuế Pigou, giải pháp thương thảo Coase và thị trường phát thải Dales để nội hóa chi phí ngoại ứng

CHƯƠNG 2: TRƯỜNG PHÁI KINH TẾ KHÔNG BIÊN GIỚI VÀ TÍNH CẤP THIẾT CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 2.1 Trường phái “Kinh tế không biên giới” và hệ lụy của nó
- 2.2 Biến đổi khí hậu-thương thảo quốc tế và nghị định thư Kyoto về giảm khí thải: Bài học về lựa chọn con đường phát triển.
- 2.3 Các vấn đề lý thuyết về phát triển bền vững và phát triển năng lượng bền vững: Sự giao thoa của các mục tiêu kinh tế - xã hội-môi trường – công nghệ của các chính sách năng lượng

CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT RA QUYẾT ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG: TỪ CỰC TIỂU CHI PHÍ ĐẾN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG.

- 3.1 Tiếp cận truyền thống: cực tiểu chi phí kinh tế được hiện tại hóa (NPV)
- 3.2 Tiếp cận tối ưu hóa chi phí/lợi ích: nội hóa các phí ngoại ứng trong phát triển năng lượng
- 3.3 Tiếp cận chi phí/hiệu quả: Nguyên tắc hiệu quả về chi phí trong cho các mục tiêu phát triển năng lượng
- 3.4 Quan niệm “Giá trị carbon” trong các mô phỏng kinh tế về phát triển năng lượng bền vững.

3.5 Phát triển hệ thống năng lượng bền vững: mô phỏng với mô hình POLES

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

- [1] TS. Bùi Xuân Hôi [2010]: Tập bài giảng “*Năng lượng và phát triển bền vững*”
- [2] IAEA-UN (2005): *Energy Indicator for Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*, Vienna 2005
- [3] *Kinh tế năng lượng thế giới*, Jean - Marie Martin, Nguyễn Minh Huệ dịch, 1992, NXB Khoa học và kỹ thuật
- [4] *Giáo trình: Kinh tế năng lượng*: Phạm Thu Hà chủ biên. 2006, NXB Thống kê
- [5] *Giáo trình: Giá năng lượng*: TS Bùi Xuân Hôi 2008 NXB Đại học Bách Khoa

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Percebois J. (Pref Y. Mainguy). “ L’*économie de l’énergie*”. Economica. Coll. “*Bibliothèque des matières premières*” Paris, 1989
- [2] PennWell Corporation, *Oil & Gas Journal*, Vol.100, No 52 (December 23,2002).
- [3] Internet “*Oil & Gas Journal January 1, 2003*”.
- [4] A. Gireaud, “*Geopolitique du charbon*”, Paris IX, 1983
- [5] *Nghiên cứu lộ trình hình thành và phát triển thị trường năng lượng Việt Nam*. Chủ nhiệm đề tài : GS. VS Trần Đình Long
- [6] TS Nguyễn Cảnh Nam (2003), *Sự hình thành và phát triển thị trường than Việt Nam*, Hà Nội.
- [7] PGS. Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Xuân Định, Phạm Ngọc Giản các cộng sự, *Xây dựng chính sách và hình thành giá khí Việt Nam*
- [8] PGS. Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Xuân Định, Phạm Ngọc Giản các cộng sự, *Xây dựng chính sách và hình thành giá khí Việt Nam*
- [9] PGS. Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Xuân Định, Phạm Ngọc Giản các cộng sự, *Xây dựng chính sách và hình thành giá dầu Việt Nam*
- [10] Bộ Công nghiệp (2002) *Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2003 -2010 có xét tới triển vọng đến năm 2020*, Hà Nội
- [11] Bộ Công nghiệp (2008) *Tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2010-2020 có xét tới triển vọng đến năm 2025*, Hà Nội
- [12] Maddison A (1989): *L’économie mondiale au 20^e siècle*, OCDE Editions Paris, 1989.
- [13] Maynat L.T (1999): *Le coût externe lié à la production et à la consommation d’électricité*, thèse pour le doctorat en Sciences économiques, Université Montesquieu-Bordeaux IV, 1999.
- [14] Perthuis C. (2007): *Prix du carbone et choix énergétiques*, in *Liaison Énergie-Francophonie*, no 74, 2007.
- [15] IAEA-UN (2007): *Energy Indicator for Sustainable Development, Country Studies on Brazil, Cuba, Lithuania, Mexico, Russian Federation, Slovakia and Thailand*, IAEA-UN 2007.
- [16] IAEA-UN (2005): *Energy Indicator for Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*, Vienna 2005
- [17] CCE (1992): *Vers un développement soutenable: Programme communautaire de politique et d'action pour l'environnement et le développement durable et respectueux de l'environnement*, Volume 2, Commission des Communautés Européennes, Bruxelles.

- [18] Shukla P.R. (1995): Grenhouse gas models and abatement costs for developping nations: a critical assessment, in *Energy Policy*, Vol. 23, No8, 1995.
- [19] Colby M.E. (1991): Environmental management in development: The evolution of paradigms, in *Ecological Economics*, no 3, pp. 193-213.
- [20] Faucheux S., Laroui F., Velthuijsen J.W. (1993): *Energy, Economy and Environment: Traditional models and alternative approaches*, SEO Research, Foundation for Economic Research of the University of Amsterdam.
- [21] Pearce D. Atkinson G. Mourato S. (2006): *Cost-Benefit Analysis and the Environment: Recent Developments*, OECD 2006, vol. 2006.
- [22] EC DG XII (1995): Externalities of fuel cycles "ExternE" Project: Economic Valuation, Working document no 9, *Metroeconomica*, UK, 1995.
- [23] Blanchard O., Criqui P. (2000): La valeur du carbone: un concept générique pour les politiques de réduction des emissions, in *Économie Internationale, la Revue du CEPPII*, no82, 2è trimestre 2000.
- [24] Bhattacharyya S.C. (1997): An estimation of environmental cost of coal-based thermal power generation in India, *International Journal of Energy Research* 21(3), 289-298
- [25] Shukla P.R. (1995): Greenhouse gas model and abatement costs for developing nations, in *Energy Policy*, Vol. 23, no8, pp. 677-687.
- [26] Pearce D.W. (2003) The social cost of carbon and its policy implications. *Oxford Review of Economic Policy* 19, pp. 362-384.
- [27] Watkiss P. (2005), "The Social Costs of Carbon (SCC) Review – Methodological Approaches for Using SCC Estimates in Policy Assessment", Department for Environment, Food and Rural Affairs, December 2005.
- [28] Centre d'Analyse Stratégique (2008): *La valeur tutélaire du carbone*, Rapports et documents, Juin 2008.
- [29] Tenenbaum B., Lock R. and Barker J. (1992): Electricity privatization: structural, competitive and regulation options, in *Energy Policy*, vol. 20, n°12.
- [30] Faucheux S. et Passet R (1995) : *Quelle économie pour l'environnement?* In *Revue Economie Appliquée*, XLVIII (2).
- [31] Criqui P., Kouvaritakis N., (2000) : *World Energy Projections to 2030*, in *International Journal of Global Energy Issues*, Vol. 14, n° 1-2-3-4, pp. 116-136.

EM7141 Những công cụ thành công trong quản trị sản xuất và tác nghiệp
Successful Models in Operation Management

1. Tên học phần: Những công cụ thành công trong quản lý sản xuất và tác nghiệp

2. Mã học phần: EM7141

3. Tên tiếng Anh: **Successful Models in Operation Management**

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. Đối tượng tham dự: Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế Công nghiệp

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần này nhằm mang lại cho NCS một cái nhìn toàn diện về sự phát triển và khả năng áp dụng trong thực tiễn những mô hình quản lý, những công cụ đã được sử dụng thành công trong lĩnh vực Quản trị sản xuất và tác nghiệp

7. Nội dung tóm tắt:

Nội dung của học phần tập trung giới thiệu những công cụ chính được sử dụng thành công trong quản lý sản xuất bao gồm: Chuyên môn hóa cao trong các dây chuyền sản xuất; Bài toán quy hoạch tuyến tính, Bài toán hoạch định chương trình sản xuất; Phương pháp sơ đồ mạng PERT; Kế hoạch hóa nguồn lực trong sản xuất MRP2; Mô hình sản xuất đúng thời gian (Just In Time); Mô hình sản xuất tinh gọn (Lean); ERP; 5S; 6sigma...

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: Dự lớp đầy đủ

- Bài tập: Tìm hiểu khả năng áp dụng các mô hình trên các tạp chí chuyên ngành

9. Đánh giá kết quả: (Cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%

- Kiểm tra định kỳ: 20%

- Thi kết thúc học phần và bài tập: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

1.1 Khái niệm về quản trị sản xuất

1.2 Mục tiêu của quản trị sản xuất

- 1.3 Các giai đoạn phát triển quản trị sản xuất
- 1.4 Khái quát những công cụ thành công trong quản trị sản xuất

CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH 1: SẢN XUẤT DÂY CHUYỀN

- 2.1 Khái niệm về dây chuyền sản xuất
- 2.2 Phân loại dây chuyền sản xuất
- 2.3 Thiết kế tổ chức dây chuyền

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH 2: MRP2- KẾ HOẠCH HÓA NGUỒN LỰC SẢN XUẤT

- 3.1 Sự phát triển mô hình MRP
- 3.2 Nội dung mô hình MRP2
- 3.2 Những thành công và hạn chế của mô hình MRP2
- 3.3 Từ mô hình MRP2 đến ERP

CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH 3: BÀI TOÁN HOẠCH ĐỊNH TỔNG HỢP CHƯƠNG TRÌNH SẢN XUẤT

- 4.1 Bài toán quy hoạch tuyến tính
- 4.2 Bài toán hoạch định tổng hợp chương trình sản xuất

CHƯƠNG 5: MÔ HÌNH 4: PHƯƠNG PHÁP PERT TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN SX

- 5.1 Nội dung phương pháp sơ đồ mạng
- 5.2 Áp dụng phương pháp PERT để quản lý các dự án sản xuất
- 5.3 Giới thiệu phần mềm Microsof- Project

CHƯƠNG 6: MÔ HÌNH 5: MÔ HÌNH SẢN XUẤT TINH GỌN

- 6.1 Khái niệm về mô hình sản xuất tinh gọn
- 6.2 Các nguyên tắc sản xuất tinh gọn
- 6.3 Các công cụ khắc phục lãng phí trong sản xuất
 - 6.3.1 Cân bằng năng suất
 - 6.3.2 Sản xuất không tồn kho
 - 6.3.3 Giảm chi phí cài đặt SMED
 - 6.3.4 Phương pháp 5S
 - 6.3.5 Phương pháp Kaizen

11. Tài liệu học tập:

Nguyễn Văn Nghién; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; Nhà xuất bản Giáo dục, 2009.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] *William J. Stevenson; Production/Operation Management; New York; Mc Graw-Hill; 2000.*

- [2] *Dennis P. Hobbs* ; LEAN Manufacturing Implementation: A Complete Execution Manual for Any Size Manufacturer; J. Ross Publishing; 2004
- [3] *Terrence T. Burton and Steven M. Boeder*; The Lean Extended Enterprise: Moving Beyond the Four Walls to Value Stream Excellence; J. Ross Publishing; 2003
- [4] *G rad Vincent*; Gestion de Production; Paris; 1996.
- [5] *M. Imai*; *Kaizen- La cl  de la comp titivit  japonaise*; Paris; Edition Eyrolle; 1989

EM7151 Lý thuyết về quản trị nguồn nhân lực
Theories of Human Resources Management

- 1. Tên học phần:** Các lý thuyết về quản trị nguồn nhân lực
- 2. Mã học phần:** EM7151
- 3. Tên tiếng Anh:** Theories of Human Resources Management
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
 - Thực hành trên máy:
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh Tế Công Nghiệp và các ngành có liên quan
- 6. Mục tiêu của học phần:** Kết thúc học phần này NCS sẽ có khả năng:
 - Hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu quản trị nguồn nhân lực hiện nay
 - Nắm bắt được những vấn đề hiện nay trong quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp Việt Nam và tại các tập đoàn trên thế giới
 - Biết cách đặt vấn đề và xây dựng các hướng nghiên cứu chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực
 - Biết trình phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực đặc biệt tại các doanh nghiệp và các tổ chức Việt Nam hiện nay.
- 7. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh các nghiên cứu hiện nay trên thế giới về vấn đề quản lý con người trong các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần sẽ đề cập tới các lý thuyết liên quan đến hoạt động của tổ chức, tâm lý nhân viên, hành vi của các thành viên trong tổ chức, tính kinh tế trong việc sử dụng lao động, mối quan hệ giữa con người trong tổ chức. Các nội dung nghiên cứu sẽ phân tích các vấn đề dưới góc độ cá nhân một con người và dưới góc độ tổ chức là một tổng thể của nhiều cá nhân.
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: 100%
 - Bài tập: Bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thí nghiệm: không
- 9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)
 - Đánh giá quá trình: 30%
 - Tham gia dự giờ trên lớp học
 - Hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Tổng quan về nguồn nhân lực và tổ chức

- 1.1 Các khái niệm cơ bản
- 1.2 Môi trường kinh doanh và quản trị nguồn nhân lực
- 1.3 Vai trò chiến lược của quản trị nguồn nhân lực
- 1.4 Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa
- 1.5 Đạo đức và trách nhiệm xã hội với vai trò của quản trị nguồn nhân lực
- 1.6 Sự phân hóa của lực lượng lao động

CHƯƠNG 2: Lý thuyết Tuyển dụng

- 2.1 Đặc điểm cá nhân và yêu cầu tuyển dụng
- 2.2 Phân tích công việc và thiết kế công việc
- 2.3 Thu hút nhân tài và động lực làm việc
- 2.4 Xu thế và phương thức tuyển dụng của các tập đoàn hàng đầu thế giới

CHƯƠNG 3: Phát triển nguồn nhân lực

- 3.1 Các mô hình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
- 3.2 Chiến lược phát triển nhân tài và con đường nghề nghiệp
- 3.3 So sánh các mô hình phát triển nhân tài tại các tập đoàn hàng đầu thế giới
- 3.4 Quản lý và đánh giá năng lực nhân viên và kế hoạch phát triển

CHƯƠNG 4: Đãi ngộ và giữ chân nhân viên

- 4.1 Các chính sách đãi ngộ nhân viên để giữ chân người tài
- 4.2 Chế độ phúc lợi với việc giữ chân người tài
- 4.3 Văn hóa doanh nghiệp và giữ chân người tài
- 4.4 Mô hình thay thế nhân viên đảm bảo sự phát triển liên tục

CHƯƠNG 5: Môi trường làm việc an toàn

- 5.1 An toàn và vệ sinh lao động
- 5.2 Công đoàn và vai trò bảo vệ người lao động
- 5.3 Các mô hình hiện đại về quan hệ lao động và xung đột lao động

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Mondey, R.W, 2010. *Human Resource Management*. Pearson International Edition, 11th edition.
- [2] Noe, R. et al, 2009. *Human Resource Management*. McGraw-Hill/Irwin International Edition, 7th edition.
- [3] Robbins, S. and Judge, T.A, *Organizational Behaviour*. Pearson International Edition, 13th edition.
- [4] Bohlander, G. and S. Snell (2004): *Managing Human Resources, 13th ed.*, Singapore, Thomson/South-Western.
- [5] De Cenzo, D.A. and S.R. Robbins (2005): *Fundamentals of Human Resource Management*, 8th ed., New York, etc., Wiley & Sons Inc.
- [6] Nguyễn Hữu Thân (2008): *Quản trị Nhân sự*, Nhà xuất bản Thống kê
- [7] Trần Kim Dung (2009): *Quản trị Nguồn Nhân lực*, Nhà xuất bản Thống kê.
- [8] *Research and Practice in Human Resource Management (tạp chí)*, Singapore Human Resource Institute Publishing.
- [9] *Human Resource Management Review (tạp chí)*, Elsevier Science Journal Edition.

EM7161 Quản trị dịch vụ
Services Management

1. Tên học phần: Quản trị dịch vụ

2. Mã học phần: EM7161

3. Tên tiếng Anh: Services Management

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập: Bài tập lớn (BTL)

- Thảo luận tình huống: Trên lớp

5. Đối tượng tham dự: Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế và Quản lý

6. Mục tiêu của học phần: Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức về lý luận, đặc điểm và vai trò quản trị các dịch vụ và dịch vụ công nghiệp trong xu hướng hội nhập quốc tế và kinh tế toàn cầu hóa;

- Các kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra và giám sát các hoạt động các dịch vụ trong môi trường kinh doanh hiện đại;

- Các kiến thức về chất lượng dịch vụ, năng suất và hiệu quả kinh tế của các dịch vụ trong kinh doanh;

- Rèn luyện khả năng tư duy về quản trị các dịch vụ trong kinh doanh ở Việt Nam.

7. Nội dung tóm tắt:

Học phần này cung cấp cho NCS chuyên ngành Kinh tế Công nghiệp và Quản trị kinh doanh (hoặc ngành liên quan) những kiến thức có tính hệ thống về Quản trị dịch vụ, bao gồm các kiến thức cơ bản về các ngành dịch vụ và dịch vụ công nghiệp, về quy trình hoạch định, tổ chức, kiểm tra và giám sát hoạt động dịch vụ, về sản phẩm dịch vụ, vai trò của dịch vụ công nghiệp trong kinh doanh hiện đại, về các yếu tố nâng cao năng suất, định vị và khác biệt hóa trong dịch vụ, về các mô hình chất lượng dịch vụ (SERVQUAL) trong môi trường kinh doanh ngày càng tăng tính cạnh tranh và tính toàn cầu hóa.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- *Dự lớp:* Nghe giảng đầy đủ, tham gia tích cực việc thảo luận và đóng góp ý kiến giải quyết các tình huống, thảo luận nhóm,...theo Quy chế học tập của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

- *Bài tập:* Chọn đề tài, được Giáo viên chấp thuận, thu thập thông tin tư liệu,...hoàn thành các bài tập về nhà và BTL của học phần theo quy định của Giáo viên giảng dạy và của Trường ĐHBK Hà Nội.

- *Thi giữa kỳ và Bảo vệ BTL* để tính **Điểm kết thúc học phần.**

9. Đánh giá kết quả:

- *Mức độ dự giờ giảng:* Điểm chuyên cần và quá trình học tập, trọng số **0,40**

- Bài tập giao về nhà làm đầy đủ và đạt từ trung bình trở lên;
- Nộp BTL đúng hạn (và là *điều kiện có Điểm kết thúc học phần*)
- *Thi kết thúc học phần*: Bảo vệ BTL (có slides & Tiểu luận), trọng số **0,60**

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu Đề cương môn học, Phương pháp học và Đánh giá kết quả học tập

Giới thiệu các chủ đề BTL và tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Tổng quan về Quản trị dịch vụ

- 1.1 Vị trí và tầm quan trọng của Quản trị dịch vụ trong môi trường kinh doanh cạnh tranh theo xu hướng hội nhập và kinh tế toàn cầu hóa
- 1.2 Định vị dịch vụ, Năng suất và Chất lượng (SERVQUAL) trong Quản trị dịch vụ
- 1.3 Vai trò và đặc điểm của dịch vụ hỗ trợ công nghiệp trong kinh doanh hiện đại
- 1.4 Viễn cảnh phát triển của dịch vụ và dịch vụ hỗ trợ công nghiệp ở Việt Nam

CHƯƠNG 2: Quá trình phát triển của Quản trị dịch vụ

- 2.1 Quá trình hình thành và phát triển của Quản trị dịch vụ
- 2.2 Nghiên cứu tâm lý, hành vi tiêu dùng và nhu cầu xã hội là cơ sở phát triển dịch vụ, dịch vụ công nghiệp và Quản trị dịch vụ
- 2.3 Mối quan hệ giữa Quản trị dịch vụ và năng lực cạnh tranh trong kinh doanh hiện đại
- 2.4 Các yếu tố thúc đẩy xu hướng phát triển dịch vụ và dịch vụ công nghiệp.

CHƯƠNG 3: Chức năng Quản trị dịch vụ

- 3.1 Hoạch định hoạt động dịch vụ trong kinh doanh của Doanh nghiệp
- 3.2 Tổ chức, điều hành và phân bổ nguồn lực cho phát triển dịch vụ
- 3.3 Phát triển sản phẩm dịch vụ và tập trung thỏa mãn nhu cầu của khách hàng
- 3.4 Kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời đáp ứng chất lượng kỳ vọng của khách hàng
- 3.5 Phát triển dịch vụ mới, dịch vụ bổ sung, sáng tạo sự khác biệt và xây dựng thương hiệu.

CHƯƠNG 4: Chiến lược Quản trị dịch vụ

- 4.1 Tư duy và nhu cầu hoạch định chiến lược Quản trị dịch vụ trong kinh doanh hiện đại
- 4.2 Các mô hình hoạch định chiến lược Quản trị dịch vụ
- 4.3 Phân tích môi trường bên ngoài (O,T) & Đánh giá môi trường nội bộ (S, W)
- 4.4 Xây dựng các phương án chiến lược (cao, trung bình, thấp) – Đề xuất tiêu chí và chọn một phương án hài hòa về chiến lược Quản trị dịch vụ cho Doanh nghiệp
- 4.5 Đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị triển khai thực hiện
- 4.6 Quản lý và Điều chỉnh kịp thời quá trình triển khai chiến lược
- 4.7 Cơ hội và thách thức về xây dựng chiến lược Quản trị dịch vụ ở Việt Nam.

11. Tài liệu học tập:

Nguyễn Văn Thanh (2011-ppt) *Quản trị dịch vụ*. Slides bài giảng Chuyên đề.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Phan Văn Sâm & Trần đình Hải (2007) *Doanh nghiệp dịch vụ – Nguyên lý điều hành*. NXB Lao động-Xã hội
- [2] TS.Hà Văn Hội (2007) *Quản trị doanh nghiệp dịch vụ trong nền kinh tế thị trường*. NXB Bưu điện
- [3] PGS.Lê Thế Giới & nnk (2007) *Quản trị chiến lược*. NXB Thống kê
- [4] David A. Aaker (2003-dịch) *Triển khai chiến lược kinh doanh*. NXB Trẻ
- [5] Hương Huy (2007-Biên dịch) *Phương pháp hoạch định chiến lược*. NXB GTVT
- [6] Subir Chowdhury (2006-dịch) *Quản lý trong thế kỷ 21*. NXB GTVT
- [7] Cẩm nang kinh doanh Harvard (2006-dịch) *Chiến lược kinh doanh hiệu quả - Strategy*. NXB Tổng hợp TP. HCM
- [8] Cẩm nang kinh doanh Harvard (2007-dịch) *Các kỹ năng quản lý hiệu quả - Manager's Toolkit*. NXB NXB Tổng hợp TP. HCM
- [9] TS. Phan Thăng (2009) *Quản trị chất lượng*. NXB Thống kê
- [10] TS. Trần Xuân Kiên (2006) *Quản lý doanh nghiệp trong thế kỷ 21*. NXB Thanh Niên
- [11] Jim Collins (2007-dịch) *Từ tốt đến vĩ đại – Good to Great*. NXB Trẻ

EM7171 Lý thuyết đương đại trong tài chính
Modern theories in Finance

1. Tên học phần: Lý thuyết đương đại trong tài chính

2. Mã học phần: EM7171

3. Tên tiếng Anh: Modern theories in finance

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. Đối tượng tham dự: Tất cả NCS thuộc chuyên ngành kinh tế công nghiệp và các chuyên ngành có liên quan

6. Mục tiêu của học phần: Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về lý luận chuyên ngành đương đại về tài chính nói chung và quản lý tài chính nói riêng.
- Rèn luyện khả năng tư duy khoa học về quản lý tài chính
- Rèn luyện kỹ năng thực hành tài chính trên cơ sở các mô hình quản lý tài chính hiện đại với sự trợ giúp của máy tính

7. Nội dung tóm tắt:

Trang bị cho NCS những cơ sở nâng cao của quản lý tài chính làm tiền đề cho việc nghiên cứu các chủ đề có liên quan đến nội dung nghiên cứu của NCS. Sau khi học xong, người học sẽ được trang bị cập nhật các kiến thức và kỹ năng hiện đại để đưa ra các quyết định của quản lý tài chính bao gồm:

- Lựa chọn cơ hội kinh doanh trong bối cảnh nguồn lực hữu hạn;
- Tổ chức huy động vốn để thực hiện các cơ hội đó;
- Quản lý chi phí, hạch toán chi phí, và xác định lợi nhuận; phân phối lợi nhuận và tái đầu tư;
- Phân tích tài chính và hoạch định tài chính.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: đầy đủ 100%

- Bài tập: làm các bài tập được giao cá nhân và theo nhóm

- Thí nghiệm:

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%

- Kiểm tra định kỳ: 20%

- Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Giá trị và mô hình tổng quát xác định giá trị của các tài sản tài chính

- 1.1 Khái niệm giá trị
- 1.2 Giá trị hiện tại với tư cách là mô hình xác định giá trị
- 1.3 Xác định giá trị của các tài sản tài chính

CHƯƠNG 2: Lợi nhuận, rủi ro và chi phí huy động vốn

- 2.1 Khái niệm cơ sở
- 2.2 Lý thuyết danh mục đầu tư
- 2.3 Mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro
- 2.4 Mô hình định giá tài sản tư bản ACPM
- 2.5 Một số lý thuyết khác

CHƯƠNG 3: Các mô hình phản ánh rủi ro của đầu tư

- 3.1 Các mô hình đánh giá đầu tư (NPV và IRR)
- 3.2 Các vấn đề về định giá doanh nghiệp
- 3.2 Mô hình phân tích độ nhạy
- 3.3 Mô phỏng Monte Carlo
- 3.4 Mô hình cây quyết định

CHƯƠNG 4: Cơ cấu vốn và chính sách tài trợ

- 4.1 Khái niệm cơ cấu vốn
- 4.2 Các đòn bẩy trong quản lý tài chính
- 4.3 Ảnh hưởng của chính sách tài trợ đến lợi nhuận và rủi ro
- 4.5 Thuê tài chính

CHƯƠNG 5: Chính sách cổ tức

- 5.1 Các phương pháp chi trả cổ tức
- 5.2 Mô hình Lintner
- 5.3 Một số vấn đề khác về chính sách cổ tức

CHƯƠNG 6: Phân tích tài chính

- 6.1 Các báo cáo tài chính
- 6.2 Các chỉ tiêu tài chính: ứng dụng và hạn chế
- 6.3 Phân tích tài chính

CHƯƠNG 7: Hoạch định tài chính

- 7.1 Khái niệm và sự cần thiết của hoạch định tài chính

- 7.2 Nội dung của một bản kế hoạch tài chính
- 7.3 Các mô hình hoạch định tài chính
- 7.4 Hoạch định tài chính trong ngắn hạn

11. Tài liệu học tập:

- [1] Nghiêm Sĩ Thương (2010), *Cơ sở Quản lý Tài chính doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Aswath Damodaran (1997), *Corporate Finance: Theory and Practice*, John Wiley & Sons.
- [2] Eugen F. Brigham (1992), *Fundamentals of financial management*, The Dryden Press, International edition, Sixth edition.
- [3] George E. Pinches (1990), *Essentials of financial management*, Harper & Row, Publishers, New York, Third edition.,
- [4] J. Fred Weston, Eugen F. Brigham (1978), *Managerial finance*, The Dryden Press, International edition, Seventh edition.,
- [5] Richard A. Brealey, Stewart C. Myers, Alan J. Marcus. (2002), *Fundamentals of corporate finance*, McGraw-Hill, International edition, Fifth edition.
- [6] John J. Pringle, Robert S. Harris, *Essentials of managerial finance*, Scott, Foresman and Company, Second edition.
- [7] K. R. Subramanyam, John J. Wild. (2009), *Financial statement analysis*, McGraw-Hill, International edition, Tenth edition.
- [8] Jack R. Meredith, Samuel J. Mantel, JR. (1997), *Project management*, John Wiley & Sons, Inc, Third edition.